

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét.

**Khái quát về Công ty**

Công ty cổ phần hàng hải Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty hàng hải Sài Gòn theo Quyết định số 538/2002/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 3 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000942 ngày 15 tháng 4 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh từ lần thứ 01 đến lần thứ 11 về việc:

- Thành lập các chi nhánh tại Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ.
- Bổ sung các ngành nghề kinh doanh.
- Tăng vốn điều lệ.
- Thay đổi Tổng Giám đốc.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 11 tháng 7 năm 2006 với mã chứng khoán là SHC. Sau đó, Công ty đã chuyển sang niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày tháng 6 năm 2009 theo Quyết định số 201/QĐ-TTGDHN ngày 21 tháng 5 năm 2009 của Trung tâm giao dịch Hà Nội (nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	4.374.000.000	11,79
Các cổ đông khác	32.721.500.000	88,21
<b>Cộng</b>	<b>37.095.500.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại : (84-8)38.261.627  
Fax : (84-8)39.404.300  
Mã số thuế : 0302590764

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Phòng 3B1 Toà nhà Hoàn Cầu, 36 Hoàn Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Hải Phòng	Phòng 1-2 tầng 7, Toà nhà Thành Đạt, 3 Lê Thánh Tôn, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Cần Thơ	27 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, TP. Cần Thơ
Văn phòng đại diện tại An Giang	Quốc lộ 91, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Hoạt động chính của Công ty là: Dịch vụ môi giới hàng hải, đại lý tàu biển; Chế biến, xuất khẩu nông thủy hải sản; Xây dựng kết cấu hạ tầng dân dụng và bến cảng; Đóng mới, sửa chữa các loại rờ móc, container, tàu, thuyền, xà lan, ca nô; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh nhà ở; Dịch vụ nhà đất; Môi giới bất động sản; Cho thuê văn phòng; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Vận tải đa phương thức (đường biển, đường sông, đường bộ); Khai thác cảng; Mua bán sửa chữa xe ô tô và các loại máy móc; Bảo dưỡng và

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

phụ tùng xe ô tô các loại; Đại lý container; Đại lý giao nhận hàng hóa bằng đường biển, hàng không, đường bộ; Xếp dỡ hàng hóa; Khai thác và cho thuê tàu biển; Kinh doanh vận tải hàng hóa đường biển.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính giữa niên độ kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 26).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

***Hội đồng quản trị***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Hữu Chiề	Chủ tịch	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch	15 tháng 5 năm 2009	-
Ông Bạch Thái Dũng	Thành viên	11 tháng 4 năm 2002	06 tháng 5 năm 2011
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	15 tháng 5 năm 2009	-
Ông Nguyễn Trí Hùng	Thường trực	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Hồng Quang	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	06 tháng 5 năm 2011
Ông Lê Phúc Tùng	Thành viên	06 tháng 5 năm 2011	-

***Ban kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Công Phước	Trưởng ban	06 tháng 4 năm 2009	06 tháng 5 năm 2011
Ông Lê Văn Hùng	Trưởng ban	06 tháng 5 năm 2011	-
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên	06 tháng 5 năm 2011	-
Ông Hoàng Văn Khương	Thành viên	06 tháng 5 năm 2011	-

***Ban Giám đốc***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trí Hùng	Tổng Giám đốc	02 tháng 4 năm 2009	01 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Phúc Tùng	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2011	-
Ông Bạch Thái Dũng	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 5 năm 2006	-
Ông Phan Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 5 năm 2006	-
Ông Trương Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 8 năm 2008	-

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

**Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

---

**Lê Phúc Tùng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày tháng ... năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần hàng hải Sài Gòn gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2011, từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ chứng từ liên quan đến số dư của khoản công nợ phải thu tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011 về “phải thu phí quản lý tàu SHC” với số tiền là 776.649.358 VND (xem thuyết minh V.3).

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**

---

**Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc**  
*Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV*

---

**Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên**  
*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1182/KTV*

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 8 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>16,661,080,884</b>	<b>41,358,686,441</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1,276,454,903</b>	<b>1,434,050,572</b>
1. Tiền	111		1,276,454,903	434,050,572
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>132,000</b>	<b>132,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		156,000	156,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(24,000)	(24,000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14,593,035,053</b>	<b>35,597,677,541</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	13,348,869,849	35,639,914,938
2. Trả trước cho người bán	132		385,511,232	33,815,668
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	2,242,873,972	1,308,166,935
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.4	(1,384,220,000)	(1,384,220,000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>42,684,267</b>	<b>2,588,343,029</b>
1. Hàng tồn kho	141		42,684,267	2,588,343,029
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>748,774,661</b>	<b>1,738,483,299</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	119,023,585	236,812,672
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		167,150,726	822,566,227
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	462,600,350	679,104,400

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>27,835,111,295</b>	<b>30,381,889,775</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26,457,681,792</b>	<b>28,705,796,156</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	25,643,056,792	27,891,171,156
<i>Nguyên giá</i>	222		40,598,751,598	41,941,808,979
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(14,955,694,806)	(14,050,637,823)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	814,625,000	814,625,000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>557,784,472</b>	<b>557,784,472</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	1,500,000,000	1,500,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.10	(942,215,528)	(942,215,528)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>819,645,031</b>	<b>1,118,309,147</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	813,066,031	864,730,147
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		6,579,000	253,579,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>44,496,192,179</b>	<b>71,740,576,216</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>38,420,650,566</b>	<b>65,871,319,031</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>32,736,139,178</b>	<b>34,115,951,101</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	9,963,326,254	9,582,770,071
2. Phải trả người bán	312	V.13	8,869,591,690	11,879,430,945
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	1,534,068,433	534,032,533
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	2,103,361,940	1,580,179,599
5. Phải trả người lao động	315		488,490,904	174,310,913
6. Chi phí phải trả	316	V.16	1,405,875,735	1,118,304,064
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	6,274,434,312	6,969,543,066
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1,115,780,000	1,115,780,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	981,209,910	1,161,599,910
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5,684,511,388</b>	<b>31,755,367,930</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	136,250,000	505,239,600
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	5,527,400,000	31,179,560,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.10	20,861,388	70,568,330
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>6,075,541,613</b>	<b>5,869,257,185</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>6,075,541,613</b>	<b>5,869,257,185</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	37,095,500,000	37,095,500,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	22,360,010,000	22,360,010,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	8,023,053,957	8,023,053,957
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	2,950,576,585	2,950,576,585
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	(64,353,598,929)	(64,559,883,357)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>44,496,192,179</b>	<b>71,740,576,216</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ** (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3,097,549,100	3,097,549,100
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		23,288.26	47,184.54
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

---

**Nguyễn Thị Nhon**  
Người lập biểu

---

**Hoàng Phong Giao**  
Kế toán trưởng

---

**Lê Phúc Tùng**  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	48,917,614,292	59,997,950,966
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	48,917,614,292	59,997,950,966
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	46,159,503,886	61,374,088,751
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,758,110,406	(1,376,137,785)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	922,981,849	129,179,647
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,611,029,369	2,850,600,348
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,713,041,150	2,515,892,204
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	744,648,000	820,448,750
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,788,391,573	1,760,210,736
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1,462,976,687)	(6,678,217,972)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2,505,548,411	469,805,784
12. Chi phí khác	32	VI.8	836,287,296	28,802,116
13. Lợi nhuận khác	40		1,669,261,115	441,003,668
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		206,284,428	(6,237,214,304)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>206,284,428</u>	<u>(6,237,214,304)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>56</u>	<u>(1,681)</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

**Nguyễn Thị Nhơn**

Người lập biểu

**Hoàng Phong Giao**

Kế toán trưởng

**Lê Phúc Tùng**

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		206,284,428	(6,237,214,304)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7	1,461,248,739	10,113,000,126
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(178,025,284)	(180,000,001)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1,713,041,150	2,515,892,204
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3,202,549,033	6,211,678,025
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		22,425,442,039	279,702,487
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2,545,658,762	(22,643,816)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1,988,618,725)	7,979,538,698
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		169,453,203	(472,996,174)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.16, VI.4	(1,476,097,073)	(1,858,105,989)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		54,019,879	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(783,289,879)	(167,860,611)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>24,149,117,239</b>	<b>11,949,312,620</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(565,113,909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	944,690,909	180,000,001
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2,400,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	20,200,000	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>964,890,909</b>	<b>2,014,886,092</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ** (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.12	9,584,936,488	9,166,377,112
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.12, V.20	(34,856,540,305)	(20,283,281,805)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(54,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(25,271,603,817)</b>	<b>(11,170,904,693)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(157,595,669)</b>	<b>2,793,294,019</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>1,434,050,572</b>	<b>1,428,402,680</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>1,276,454,903</b>	<b>4,221,696,699</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

---

**Nguyễn Thị Nhon**  
Người lập biểu

---

**Hoàng Phong Giao**  
Kế toán trưởng

---

**Lê Phúc Tùng**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm nay	37,095,500,000	22,360,010,000	(2,101,520,000)	8,023,053,957	2,950,576,585	(5,000,420,415)	63,327,200,127
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(59,559,462,942)	(59,559,462,942)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	2,101,520,000	-	-	-	2,101,520,000
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>37,095,500,000</b>	<b>22,360,010,000</b>	<b>-</b>	<b>8,023,053,957</b>	<b>2,950,576,585</b>	<b>(64,559,883,357)</b>	<b>5,869,257,185</b>
Số dư đầu năm nay	37,095,500,000	22,360,010,000	-	8,023,053,957	2,950,576,585	(64,559,883,357)	5,869,257,185
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	206,284,428	206,284,428
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>37,095,500,000</b>	<b>22,360,010,000</b>	<b>-</b>	<b>8,023,053,957</b>	<b>2,950,576,585</b>	<b>(64,353,598,929)</b>	<b>6,075,541,613</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thị Nhơn  
Người lập biểu

Hoàng Phong Giao  
Kế toán trưởng

Lê Phúc Tùng  
Tổng Giám đốc

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải, đại lý tàu biển. Đại lý container; vận tải đa phương thức (đường biển, đường sông, đường bộ); đại lý giao nhận hàng hóa đường biển, hàng không, đường bộ và cho thuê tàu quốc tế.
- 4. Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Công ty có 121 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 117 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- 1. Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **6. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **7. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **8. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### ***Chi phí sửa chữa***

Chi phí vật tư sửa chữa xe, sửa chữa tàu. Chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### **9. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **10. Trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho nhân viên đối với thời gian đã làm việc tại doanh nghiệp trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp thôi việc là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp dự phòng trợ cấp thôi việc không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

### **11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **12. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

### **13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD

30/6/2011 : 20.618 VND/USD

### 15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	119.667.808	138.695.661
Tiền gửi ngân hàng	1.156.787.095	295.354.911
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	-	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.276.454.903</u></b>	<b><u>1.434.050.572</u></b>

<sup>(\*)</sup> Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 03 tháng.

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thủy sản NTSF	425.040.000	221.221.000
Công ty cổ phần Ntaco	470.320.000	197.670.000
Công ty TNHH Otsuka Opv	822.725.000	236.830.000
Chi nhánh Công ty cổ phần Acecook Việt Nam tại Hưng Yên	757.180.000	757.180.000
Chi nhánh Công ty cổ phần Acecook Việt Nam tại Bắc Ninh	541.040.000	541.040.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
R.H Pacific Shipping limited	-	25.179.560.000	
Chi nhánh Công ty giấy và bao bì Việt Thắng	368.800.000	465.400.000	
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long - An Giang	495.000.000	479.457.000	
Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam	1.603.910.000	427.460.000	
Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1	582.910.700	466.132.500	
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	25.636.364	940.605.165	
Công ty cổ phần Nam Việt	959.200.000	732.600.000	
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	398.558.000	352.847.000	
Các khách hàng khác	5.898.549.785	4.641.912.273	
<b>Cộng</b>	<b><u>13.348.869.849</u></b>	<b><u>35.639.914.938</u></b>	
<b>3. Các khoản phải thu khác</b>			
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
Phải thu phí quản lý tàu SHC	776.649.358	-	
Phải thu tiền bảo hiểm tiền sửa chữa tàu SHC	790.705.173	790.705.173	
Phải thu khác	675.519.441	517.461.762	
<b>Cộng</b>	<b><u>2.242.873.972</u></b>	<b><u>1.308.166.935</u></b>	
<b>4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>			
Công ty trích lập 100% số tiền phải thu của 03 khách hàng liên quan quan đến sự cố chìm tàu Phú Tân. Chi tiết bao gồm:			
Chi nhánh Công ty cổ phần Acecook Việt Nam tại Hưng Yên		758.200.000	
Chi nhánh Công ty cổ phần Acecook Việt Nam tại Bắc Ninh		541.040.000	
Công ty Sanyo Ha Asean		86.000.000	
<b>Cộng</b>		<b><u>1.384.220.000</u></b>	
<b>5. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>			
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
Chi phí bảo hiểm	20.128.108	9.319.250	
Chi phí vật tư tàu và dịch vụ khác	89.880.477	195.833.422	
Công cụ, dụng cụ	415.000	1.660.000	
Chi phí khác	8.600.000	30.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>119.023.585</u></b>	<b><u>236.812.672</u></b>	
<b>6. Tài sản ngắn hạn khác</b>			
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
Tạm ứng	256.028.350	170.652.400	
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	206.572.000	508.452.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>462.600.350</u></b>	<b><u>679.104.400</u></b>	
<b>7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b>			
	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	41.459.619.311	482.189.668	41.941.808.979

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Thanh lý, nhượng bán	(1.343.057.381)	-	(1.343.057.381)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>40.116.561.930</b>	<b>482.189.668</b>	<b>40.598.751.598</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.654.719.187	412.889.053	4.067.608.240
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	13.618.796.065	431.841.758	14.050.637.823
Khấu hao trong năm	1.445.428.395	15.820.344	1.461.248.739
Thanh lý, nhượng bán	(556.191.756)	-	(556.191.756)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.508.032.704</b>	<b>447.662.102</b>	<b>14.955.694.806</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	27.840.823.246	50.347.910	27.891.171.156
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>25.608.529.226</b>	<b>34.527.566</b>	<b>25.643.056.792</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 29.023.795.020 VND và 22.209.253.671 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam.

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
XDCB dở dang	814.625.000	137.525.000	(137.525.000)	814.625.000
- Lầu 7 Cao ốc Đình lễ	734.625.000	-	-	734.625.000
- Chi phí thiết kế đóng tàu 84 teus	80.000.000	-	-	80.000.000
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	137.525.000	(137.525.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>814.625.000</b>	<b>137.525.000</b>	<b>(137.525.000)</b>	<b>814.625.000</b>

### 9. Đầu tư vào công ty con

Đầu tư 100% vốn vào Công ty TNHH Vạn Phú.

Hiện tại, Công ty TNHH Vạn Phú đang làm thủ tục giải thể.

### 10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng khoản lỗ của công ty con là Công ty TNHH Vạn Phú.

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ	363.928.125	11.749.546	(184.007.783)	191.669.888
Chi phí sửa chữa	500.802.022	390.733.673	(270.139.552)	621.396.143
<b>Cộng</b>	<b>864.730.147</b>	<b>402.483.219</b>	<b>(454.147.335)</b>	<b>813.066.031</b>

### 12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	8.463.326.254	8.082.770.071
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Sài Gòn - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (a)	8.463.326.254	7.148.377.059
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	934.393.012
Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác (b)	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.963.326.254</b>	<b>9.582.770.071</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Sài Gòn – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tàu Đông Phương.

(b) Khoản vay Công ty TNHH một thành viên bất động sản kho vận giao nhận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 16%/năm.

#### **Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	8.082.770.071	9.584.936.488	(9.204.380.305)	8.463.326.254
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.582.770.071</b>	<b>9.584.936.488</b>	<b>(9.204.380.305)</b>	<b>9.963.326.254</b>

### 13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần vận tải biển container Vinalines - Chi nhánh Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	2.011.493.833	2.576.795.043
Công ty TNHH thương mại - dịch vụ Giang Nam	801.970.500	478.850.000
Công ty TNHH xăng dầu Vạn Phúc	96.830.000	653.295.060
Cảng Mỹ Thới	2.311.011.430	1.418.313.858
DNTN Hoàng Lan	-	247.000.000
Công ty cổ phần container phía nam	-	774.195.000
Công ty TNHH một thành viên phát triển hạ tầng Minh Quân	846.100.000	846.100.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải giao nhận	76.950.000	354.538.500

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
ngoại thương		
Công ty cổ phần thương mại & dịch vụ vận tải Tấn Phát	78.235.000	435.340.000
Các nhà cung cấp khác	<u>2.647.000.927</u>	<u>4.095.003.484</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>8.869.591.690</u></b>	<b><u>11.879.430.945</u></b>

### 14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Vạn Phú	470.389.353	470.389.353
HBP project management Co., Ltd.	1.000.000.000	-
Các khách hàng khác	<u>63.679.080</u>	<u>63.643.180</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.534.068.433</u></b>	<b><u>534.032.533</u></b>

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	543.131.706	(83.313.293)	459.818.413
Thuế thu nhập doanh nghiệp	597.325.889	-	-	597.325.889
Thuế thu nhập cá nhân	267.887.017	204.585.367	(12.020.000)	460.452.384
Các loại thuế khác	585.765.254	-	-	585.765.254
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	<u>129.201.439</u>	-	<u>(129.201.439)</u>	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.580.179.599</u></b>	<b><u>747.717.073</u></b>	<b><u>(224.534.732)</u></b>	<b><u>2.103.361.940</u></b>

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cho thuê tàu chạy tuyến quốc tế	0%
- Vận chuyển trong nước	10%
- Cho thuê mặt bằng, thủ tục phí, dịch vụ đại lý tàu	10%

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	206.284.427	(6.237.214.304)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	<u>206.284.427</u>	<u>(6.237.214.304)</u>
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển theo tờ khai tự quyết toán	(67.315.669.574)	(7.920.801.892)

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
thuế năm		
Tổng thu nhập tính thuế	(67.109.938.147)	(14.158.016.196)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 16. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lương thuyền viên	-	324.048.453
Chi phí lãi vay	309.863.815	72.919.738
Tiền thuê nhà	174.546.813	173.181.817
Tiền lương tháng 13	300.000.000	-
Các chi phí khác	621.465.107	548.154.056
<b>Cộng</b>	<b>1.405.875.735</b>	<b>1.118.304.064</b>

## 17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	84.187.406	112.556.078
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp	76.595.784	180.739.283
Các khoản thu hộ cước tàu	-	2.263.072.163
Các khoản phải trả liên quan đến thanh lý tàu SHC	1.139.351.784	-
Các khoản phải trả liên quan đến quản lý tàu	1.977.582.973	-
Phải trả tiền tạm ứng	1.065.000	265.013.837
Phải trả bồi thường thiệt hại	-	-
Các khoản phải trả khác	2.995.651.366	4.148.161.705
<b>Cộng</b>	<b>6.274.434.313</b>	<b>6.969.543.066</b>

## 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	1.161.599.910
Chi quỹ	(180.390.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>981.209.910</b>

## 19. Phải trả dài hạn khác

Khoản ký quỹ của khách hàng thuê kho.

## 20. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam — ~~Chi nhánh Nam Sài Gòn~~ để thanh toán tiền mua tàu Đông phương 68. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp sà lan Đông Phương 68.

*Chi tiết số phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:*

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Số đầu năm	31.179.560.000
Số tiền vay đã trả	<u>(25.652.160.000)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>5.527.400.000</u></b>

Khoản vay này được thanh toán trong vòng 60 tháng từ ngày 24 tháng 8 năm 2009.

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 27.

#### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.709.550	3.709.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.709.550	3.709.550
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.709.550	3.709.550
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.709.550	3.709.550
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.709.550	3.709.550
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### *Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu vận tải đường sông	24.387.165.165	21.330.251.602
Doanh thu đại lý hàng hải	313.237.683	369.497.747
Doanh thu vận chuyển Bắc Nam	19.781.107.802	21.100.489.541
Doanh thu cho thuê tàu biển	-	13.824.276.007
Doanh thu cho thuê kho bãi, giao nhận	3.898.503.707	3.373.436.069
Doanh thu dịch vụ khác	537.599.935	-
<b>Cộng</b>	<b><u>48.917.614.292</u></b>	<b><u>59.997.950.966</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vận tải đường sông	22.419.677.303	20.377.799.860
Giá vốn đại lý hàng hải	164.928.922	162.087.135
Giá vốn vận chuyển Bắc Nam	18.335.482.429	18.817.260.275
Giá vốn cho thuê tàu biển	-	19.440.189.659
Giá vốn cho thuê kho bãi, giao nhận	2.950.592.060	2.576.751.822
Giá vốn dịch vụ khác	2.288.823.172	-
<b>Cộng</b>	<b>46.159.503.886</b>	<b>61.374.088.751</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.963.415	15.913.529
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	20.200.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	893.818.434	113.266.118
<b>Cộng</b>	<b>922.981.849</b>	<b>129.179.647</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.713.041.150	2.515.892.204
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	897.988.219	334.708.144
<b>Cộng</b>	<b>2.611.029.369</b>	<b>2.850.600.348</b>

### 5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng.

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.082.173.576	958.011.901
Chi phí vật liệu	95.545.583	129.918.613
Chi phí khấu hao	39.570.452	59.663.661
Thuế, phí, lệ phí	35.934.194	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	420.743.791	436.078.371
Chi phí khác	114.423.977	176.538.190
<b>Cộng</b>	<b>1.788.391.573</b>	<b>1.760.210.736</b>

### 7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	944.690.909	180.000.001
Thu nhập do chênh lệch thu chi hộ	974.136.483	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu bồi thường thiệt hại	304.200.000	2.273.000
Các khoản thu nhập khác	282.521.019	287.532.783
<b>Cộng</b>	<b>2.505.548.411</b>	<b>469.805.784</b>

### 8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	786.865.625	-
Chi phí đền bù tai nạn	-	18.596.379
Tiền phạt thuế	6.769.080	-
Các khoản chi phí khác	42.652.591	10.205.737
<b>Cộng</b>	<b>836.287.296</b>	<b>28.802.116</b>

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	206.284.428	(6.237.214.304)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	206.284.428	(6.237.214.304)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.709.550	3.709.550
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>56</b>	<b>(1.681)</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và phụ cấp	456.546.610	476.301.880
Bảo hiểm	21.433.947	17.484.960
<b>Cộng</b>	<b>477.980.557</b>	<b>493.786.840</b>

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

Các bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty TNHH Vạn Phú – Công ty con

Trong kỳ, Công ty không có phát sinh nghiệp vụ với Công ty TNHH Vạn Phú.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với Công ty TNHH Vạn Phú như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền nhận về	112.612.710	112.612.710
Ứng trước cước vận chuyển	470.389.353	470.389.353
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>583.002.063</u></b>	<b><u>583.002.063</u></b>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

---

**Nguyễn Thị Nhơn**  
Người lập biểu

---

**Hoàng Phong Giao**  
Kế toán trưởng

---

**Lê Phúc Tùng**  
Tổng Giám đốc